

chúng là kết quả từ việc sử dụng một sản phẩm dệt nhất định nào đó (ví dụ, các hàng hóa có cùng tính chất hoặc cùng vật liệu dệt, sợi bên từ hỗn hợp dệt giống nhau, toàn bộ các miếng cắt mới cùng màu sắc).

PHẦN XII

GIÀY, DÉP, MŨ VÀ CÁC VẬT ĐỘI ĐẦU KHÁC, Ô, DÙ, BA TOONG, GẬY TAY CÀM CỐ THỂ CHUYỂN THÀNH GHÉ, ROI, GẬY ĐIỀU KHIỂN, ROI ĐIỀU KHIỂN SỨC VẬT THÔ KÉO VÀ CÁC BỘ PHẬN CỦA CÁC LOẠI HÀNG TRÊN; LÔNG VŨ CHẾ BIẾN VÀ CÁC SẢN PHẨM LÀM TỪ LÔNG VŨ CHẾ BIẾN; HOA NHÂN TẠO; CÁC SẢN PHẨM LÀM TỪ TÓC NGƯỜI

Chương 64

Giày, dép, ghệt và các sản phẩm tương tự; các bộ phận của các sản phẩm trên

Chú giải.

1. - Chương này không bao gồm:

- (a) Giày hoặc dép đi một lần bằng vật liệu mỏng (ví dụ, giấy, tấm plastic) không gắn đế. Các sản phẩm này được phân loại theo vật liệu làm ra chúng;
- (b) Giày, dép bằng vật liệu dệt, không có đế ngoài được dán keo, khâu hoặc gắn bằng cách khác vào mũ giày (Phần XI);
- (c) Giày, dép đã qua sử dụng thuộc nhóm 63.09;
- (d) Các sản phẩm bằng amiăng (nhóm 68.12);
- (e) Giày, dép chỉnh hình hoặc các thiết bị chỉnh hình khác, hoặc các bộ phận của chúng (nhóm 90.21); hoặc
- (f) Giày, dép đồ chơi hoặc giày ống có gắn lưỡi trượt băng hoặc trượt patanh; tấm ốp bảo vệ ống chân hoặc các đồ bảo vệ tương tự dùng trong thể thao (Chương 95).

2. Theo mục đích của nhóm 64.06, khái niệm “các bộ phận” không bao gồm các móc gài, bộ phận bảo vệ, khoen, móc cài, khoá cài, vật trang trí, dải viền, đấng ten, búp cài hoặc các vật trang trí khác (được phân loại trong các nhóm thích hợp) hoặc các loại khuy hoặc các hàng hóa khác thuộc nhóm 96.06.

3. Theo mục đích của Chương này:

(a) thuật ngữ “cao su” và “plastic” kể cả vải dệt thoi hoặc các sản phẩm dệt khác có lớp ngoài bằng cao su hoặc plastic có thể nhìn thấy được bằng mắt thường; theo mục đích của phần này, không tính đến sự thay đổi về màu sắc; và

(b) thuật ngữ “da thuộc” liên quan đến các mặt hàng thuộc các nhóm 41.07 và từ 41.12 đến 41.14.

4. Theo Chú giải 3 của Chương này:

(a) vật liệu làm mũ giày được xếp theo loại vật liệu cấu thành có diện tích mặt ngoài lớn nhất, không tính

of the same nature or the same textile material, twine of uniform textile composition, new snippings all of the same colour).

SECTION XII

FOOTWEAR, HEADGEAR, UMBRELLAS, SUN UMBRELLAS, WALKING-STICKS, SEAT-STICKS, WHIPS, RIDING-CROPS AND PARTS THEREOF; PREPARED FEATHERS AND ARTICLES MADE THEREWITH; ARTIFICIAL FLOWERS; ARTICLES OF HUMAN HAIR

Chapter 64

Footwear, gaiters and the like; parts of such articles

Notes.

1. - This Chapter does not cover:

- (a) Disposable foot or shoe coverings of flimsy material (for example, paper, sheeting of plastics) without applied soles. These products are classified according to their constituent material;
- (b) Footwear of textile material, without an outer sole glued, sewn or otherwise affixed or applied to the upper (Section XI);
- (c) Worn footwear of heading 63.09;
- (d) Articles of asbestos (heading 68.12);
- (e) Orthopaedic footwear or other orthopaedic appliances, or parts thereof (heading 90.21); or
- (f) Toy footwear or skating boots with ice or roller skates attached; shin-guards or similar protective sportswear (Chapter 95).

2. - For the purposes of heading 64.06, the term “parts” does not include pegs, protectors, eyelets, hooks, buckles, ornaments, braid, laces, pompons or other trimmings (which are to be classified in their appropriate headings) or buttons or other goods of heading 96.06.

3. - For the purposes of this Chapter:

(a) the terms “rubber” and “plastics” include woven fabrics or other textile products with an external layer of rubber or plastics being visible to the naked eye; for the purpose of this provision, no account should be taken of any resulting change of colour; and

(b) the term “leather” refers to the goods of headings 41.07 and 41.12 to 41.14.

4. Subject to Note 3 to this Chapter:

(a) the material of the upper shall be taken to be the constituent material having the greatest external

đến các phụ kiện hoặc đồ phụ trợ như những mảng ở mắt cá chân, mép viền, vật trang trí, khoá cài, móc nhãn, khoen xỏ dây giày hoặc các vật gắn lắp tương tự;

(b) vật liệu cấu thành của đế ngoài được tính là vật liệu có bề mặt rộng nhất trong việc tiếp xúc với đất, không tính đến phụ tùng hoặc các vật phụ trợ như đinh đóng đế giày, đinh, que, các vật bảo vệ hoặc các vật gắn lắp tương tự.

Chú giải phân nhóm.

1. Theo mục đích của các phân nhóm 6402.12, 6402.19, 6403.12, 6403.19 và 6404.11, khái niệm “giày, dép thể thao” chỉ áp dụng với:

(a) Giày, dép được thiết kế cho hoạt động thể thao và đã có, hoặc chuẩn bị sẵn để gắn, đóng đinh, bịt đầu, ghim kẹp, chốt hoặc loại tương tự;

(b) Giày ống trượt băng, giày ống trượt tuyết và giày trượt tuyết băng đồng, giày ống gắn ván trượt, giày ống đầu vật, giày ống đầu quỳen anh và giày đua xe đạp.

TỔNG QUÁT

Ngoài các trường hợp loại trừ nhất định (xem cụ thể những loại trừ được đề cập ở phần cuối của Chú giải tổng quát), chương này bao gồm các loại giày, dép khác nhau (kể cả các loại giày đi bên ngoài phủ lên các giày, dép khác) được phân loại vào các nhóm từ 64.01 đến 64.05 không phân biệt kiểu dáng và kích cỡ, không phân biệt chúng được thiết kế cho mục đích sử dụng nào, không phân biệt phương thức sản xuất hoặc nguyên liệu được sử dụng để làm ra chúng.

Tuy nhiên, theo mục đích của chương này, thuật ngữ “giày, dép” không bao gồm giày, dép đi một lần bằng vật liệu mỏng (như giấy, tấm plastic.v.v), không gắn đế. Các sản phẩm này được phân loại theo vật liệu làm ra chúng.

(A) Giày, dép có thể là dép xăng- đan với mũ dép được cấu tạo đơn giản bằng các dây buộc hoặc những dải ruy băng có thể điều chỉnh được cho đến các loại giày ống cao quá đùi (là loại mà mũ giày che phủ phần chân và đùi, và có thể có cả quai buộc, v.v, để thắt chặt mũ giày vào thắt lưng để giữ chắc hơn). Chương này bao gồm:

(1) Giày gót phẳng hoặc cao gót thông thường để đi trong nhà hoặc ngoài trời.

(2) Các loại giày có cổ, giày ống ngắn, giày ống cao đến đầu gối, giày ống cao quá đùi.

(3) Các loại dép Sandal “espadrilles” (loại dép có mũ dép bằng vải bạt, đế dép được bện bằng loại vật liệu thực vật), các loại giày dùng để chơi tennis, giày để chạy bộ tập thể dục, các loại dép mềm dùng khi tắm và các loại giày, dép thông thường khác.

(4) Giày, dép thể thao chuyên dùng là các loại giày, dép được thiết kế dùng cho các hoạt động thể thao và đã có, hoặc chuẩn bị sẵn, để gắn các loại đóng đinh, bịt đầu, ghim kẹp, chốt hoặc các loại tương tự và các loại-giày ống trượt băng, giày ống trượt tuyết và giày

surface area, no account being taken of accessories or reinforcements such as ankle patches, edging, ornamentation, buckles, tabs, eyelet stays or similar attachments;

(b) the constituent material of the outer sole shall be taken to be the material having the greatest surface area in contact with the ground, no account being taken of accessories or reinforcements such as spikes, bars, nails, protectors or similar attachments.

Subheading Note.

1.- For the purposes of subheadings 6402.12, 6402.19, 6403.12, 6403.19 and 6404.11, the expression “sports footwear” applies only to:

(a) Footwear which is designed for a sporting activity and has, or has provision for the attachment of, spikes, sprigs, stops, clips, bars or the like;

(b) Skating boots, ski-boots and cross-country ski footwear, snowboard boots, wrestling boots, boxing boots and cycling shoes.

GENERAL

With certain exceptions (see particularly those mentioned at the end of this General Note) this Chapter covers, under headings 64.01 to 64.05, various types of footwear (including overshoes) irrespective of their shape and size, the particular use for which they are designed, their method of manufacture or the materials of which they are made.

For the purposes of this Chapter, the term “footwear” does not, however, include disposable foot or shoe coverings of flimsy material (paper, sheeting of plastics, etc.) without applied soles. These products are classified according to their constituent material.

(A) Footwear may range from sandals with uppers consisting simply of adjustable laces or ribbons to thigh-boots (the uppers of which cover the leg and thigh, and which may have straps, etc., for fastening the uppers to the waist for better support). The Chapter includes:

(1) Flat or high-heeled shoes for ordinary indoor or outdoor wear.

(2) Ankle-boots, half-boots, knee-boots and thigh-boots.

(3) Sandals of various types, “espadrilles” (shoes with canvas uppers and soles of plaited vegetable material), tennis shoes, jogging shoes, bathing slippers and other casual footwear.

(4) Special sports footwear which is designed for a sporting activity and has, or has provision for, the attachment of spikes, sprigs, stops, clips, bars or the like and skating boots, ski-boots and cross-country ski footwear, snowboard boots, wrestling boots, boxing

trượt tuyết băng đồng, giày ống gắn ván trượt, giày ống đầu vật, giày ống đầu quỳen anh và giày đua xe đạp (xem Chú giải Phân nhóm 1 của Chương này).

Tuy nhiên, giày ống có gắn lưỡi trượt patanh hoặc giày ống có gắn lưỡi trượt băng với phần lưỡi trượt được gắn cố định vào đế giày bị **loại trừ khỏi nhóm này (nhóm 95.06)**

(5) Các loại giày dép mềm đế khiêu vũ

(6) Các loại giày, dép đi trong nhà (ví dụ, như dép mềm dùng để đi trong phòng ngủ)

(7) Các loại giày, dép được làm một mảnh, chủ yếu được làm bằng cách đúc cao su hoặc các chất liệu nhựa hoặc được làm bằng cách đẽo từ một miếng gỗ cứng.

(8) Các loại giày, dép được thiết kế đặc biệt để chống dầu, mỡ, các chất hóa học hoặc chống lạnh.

(9) Các loại giày được đi bên ngoài phủ lên các giày, dép khác; trong một số trường hợp, chúng không có gót giày.

(10) Các loại giày, dép dùng một lần, có gắn đế, thường được thiết kế sử dụng chỉ một lần.

(B) Giày, dép được phân loại trong chương này có thể được làm bằng mọi chất liệu (cao su, da, nhựa, gỗ, li-e, các vật liệu dệt bao gồm cả các loại ni và sản phẩm không dệt, da lông, các chất vật liệu tết bền v.v...), **ngoại trừ** bằng amiăng, và có thể chứa, theo tỷ lệ bất kỳ, các chất liệu thuộc chương 71.

Tuy nhiên, trong giới hạn của chương này, nguyên liệu cấu thành đế ngoài và mũi của giày, dép sẽ quyết định giày, dép được phân loại vào các nhóm từ 64.01 đến 64.05.

(C) Khái niệm “đế ngoài” được sử dụng trong các nhóm 64.01 đến 64.05 được hiểu là bộ phận của giày, dép (trừ gót giày đã được gắn) mà bộ phận này tiếp xúc trực tiếp với đất khi sử dụng. Nguyên liệu cấu thành đế giày, dép với mục đích để phân loại hàng hóa sẽ là phần nguyên liệu có bề mặt tiếp xúc với đất lớn nhất.. Để xác định nguyên liệu cấu thành của đế ngoài, chúng ta sẽ không tính đến các phụ kiện hay đồ phụ trợ mà một phần phủ lên đế giày, dép (xem Chú giải 4 (b) của Chương này). Các phụ kiện hoặc đồ phụ trợ bao gồm: đinh đóng đế, đinh, que, các vật bảo vệ hoặc các vật gắn lắp tương tự (bao gồm cả một lớp mỏng bông len dệt (ví dụ như để tạo ra một họa tiết) hoặc vật liệu dệt có thể tháo rời, được gắn vào nhưng không bọc đế giày.

Trong trường hợp giày, dép được làm một mảnh (ví dụ như: guốc), không gắn đế, không cần có đế ngoài riêng biệt; các loại giày, dép này sẽ được phân loại theo vật liệu cấu thành lên bề mặt bên dưới của giày dép.

(D) Với mục đích phân loại giày, dép vào Chương này, vật liệu cấu thành mũi giày cũng phải được tính đến. Mũi giày là bộ phận của giày hoặc giày ống nằm ở phía trên đế giày. Tuy nhiên, ở một số loại giày nhất định có đế giày được đúc bằng nhựa hoặc ở loại giày kiểu da mềm (moccasin) của người thổ dân Châu Mỹ,

boots and cycling shoes (see Subheading Note 1 to the Chapter).

Roller-skating or ice-skating boots with skates fixed to the soles, are, however, **excluded (heading 95.06)**.

(5) Dancing slippers.

(6) House footwear (e.g., bedroom slippers).

(7) Footwear obtained in a single piece, particularly by moulding rubber or plastics or by carving from a solid piece of wood.

(8) Other footwear specially designed to protect against oil, grease, chemicals or cold.

(9) Overshoes worn over other footwear; in some cases, they are heel-less.

(10) Disposable footwear, with applied soles, generally designed to be used only once.

(B) The footwear covered by this Chapter may be of any material (rubber, leather, plastics, wood, cork, textiles including felt and nonwovens, furskin, plaiting materials, etc.) **except** asbestos, and may contain, in any proportion, the materials of Chapter 71.

Within the limits of the Chapter itself, however, it is the constituent material of the outer sole and of the upper which determines classification in headings 64.01 to 64.05.

(C) The term “outer sole” as used in headings 64.01 to 64.05 means that part of the footwear (other than an attached heel) which, when in use, is in contact with the ground. The constituent material of the outer sole for purposes of classification shall be taken to be the material having the greatest surface area in contact with the ground. In determining the constituent material of the outer sole, no account should be taken of attached accessories or reinforcements which partly cover the sole (see Note 4 (b) to this Chapter). These accessories or reinforcements include spikes, bars, nails, protectors or similar attachments (including a thin layer of textile flocking (e.g., for creating a design) or a detachable textile material, applied to but not embedded in the sole).

In the case of footwear made in a single piece (e.g., clogs) without applied soles, no separate outer sole is required; such footwear is classified with reference to the constituent material of its lower surface.

(D) For the purposes of the classification of footwear in this Chapter, the constituent material of the uppers must also be taken into account. The upper is the part of the shoe or boot above the sole. However, in certain footwear with plastic moulded soles or in shoes of the American Indian moccasin type, a single

một mảnh nguyên liệu được sử dụng để làm đế giày và đồng thời làm toàn bộ hoặc một phần mũ giày, như vậy sẽ khó phân định được đế ngoài của giày và mũ giày. Trong những trường hợp như vậy, mũ giày sẽ được xem là một phần của giày để bao phủ các bên và phần trên của bàn chân. Kích cỡ của mũ giày thay đổi tùy theo kiểu cách của từng loại giày dép, từ những loại bao trùm bàn chân và toàn bộ chân, kể cả lên tới đùi (ví dụ như: giày ống của người đi câu), cho tới những loại đơn giản chỉ gồm có đai hoặc dây da (ví dụ như dép sandal).

Nếu mũ giày được làm từ hai hay nhiều vật liệu, việc phân loại sản phẩm sẽ được xác định theo vật liệu cấu thành có diện tích bề mặt phủ ngoài lớn nhất, không tính đến các phụ kiện hoặc đồ phụ trợ như những mảng ở mắt cá chân, những dải bảo vệ hoặc trang trí hoặc mép viền, các bộ phận trang trí khác (ví dụ như tuarua, búp cài hoặc dải viền...), khóa cài, móc nhãn, khoen xỏ dây, dây buộc hoặc khoá kéo. Vật liệu cấu thành của bất kỳ lớp lót nào đều không ảnh hưởng tới việc phân loại.

(E) Cần lưu ý rằng theo mục đích của chương này, các khái niệm "cao su" và "plastic" bao gồm cả vải dệt thoi hoặc các sản phẩm dệt khác có lớp ngoài bằng cao su hoặc plastic có thể nhìn thấy được bằng mắt thường, không tính tới sự thay đổi về màu sắc.

(F) Theo quy định của phần (E) nêu trên, theo mục đích của chương này, khái niệm "vật liệu dệt" bao gồm các loại xơ, sợi, vải, phốt (nỉ), các sản phẩm không dệt, sợi xe, chảo bện (cordage), thùng, cáp.v.v.thuộc Chương từ 50 đến 60.

(G) Theo mục đích của chương này, khái niệm "da thuộc" liên quan đến các sản phẩm của các nhóm từ 41.07 và 41.12 tới 41.14.

(H) Các phần dưới cùng của giày ống hoặc của các loại giày dép khác, bao gồm một đế ngoài được gắn với mũ chưa hoàn chỉnh hoặc chưa hoàn thiện, mà phần mu này không che phủ quá mắt cá chân cũng được xem như giày dép (và không xem như các bộ phận của giày dép). Những sản phẩm này có thể được hoàn chỉnh đơn giản bằng cách trang trí mép trên cùng bằng một đường diềm và thêm bộ phận chốt cài.

Chương này **không bao gồm:**

(a) Các loại giày, dép bằng vật liệu dệt, không có đế được dán, khâu hoặc gắn bằng cách khác vào phần mũ giày (**Phần XI**).

(b) Các loại giày, dép đã qua sử dụng có dấu hiệu còn sử dụng được hoặc chúng phải được thể hiện ở dạng đóng gói cỡ lớn hoặc kiện, bao hoặc các kiểu bao gói tương tự (**nhóm 63.09**).

(c) Các loại giày, dép bằng amiăng (**nhóm 68.12**).

(d) Các loại giày, dép chỉnh hình (**nhóm 90.21**).

(e) Các loại giày, dép đồ chơi và giày ống có gắn lưỡi trượt băng hoặc trượt patanh; tấm ốp bảo vệ ống chân và các đế bảo vệ tương tự dùng trong thể thao (**Chương 95**).

piece of material is used to form the sole and either the whole or part of the upper, thus making it difficult to identify the demarcation between the outer sole and the upper. In such cases, the upper shall be considered to be that portion of the shoe which covers the sides and top of the foot. The size of the uppers varies very much between different types of footwear, from those covering the foot and the whole leg, including the thigh (for example, fishermen's boots), to those which consist simply of straps or thongs (for example, sandals).

If the upper consists of two or more materials, classification is determined by the constituent material which has the greatest external surface area, no account being taken of accessories or reinforcements such as ankle patches, protective or ornamental strips or edging, other ornamentation (e.g., tassels, pompons or braid), buckles, tabs, eyelet stays, laces or slide fasteners. The constituent material of any lining has no effect on classification.

(E) It should be noted that for the purposes of this Chapter, the terms "rubber" and "plastics" include woven fabrics or other textile products with an external layer of rubber or plastics being visible to the naked eye, no account being taken of any resulting change of colour.

(F) Subject to the provisions of (E) above, for the purposes of this Chapter the expression "textile materials" covers the fibres, yarns, fabrics, felts, nonwovens, twine, cordage, ropes, cables, etc., of Chapters 50 to 60.

(G) For the purposes of this Chapter, the term "leather" refers to the goods of headings 41.07 and 41.12 to 41.14.

(H) Boot or shoe bottoms, consisting of an outer sole affixed to an incomplete or unfinished upper, which do not cover the ankle are to be regarded as footwear (and not as parts of footwear). These articles may be finished simply by trimming their top edge with a border and adding a fastening device.

This Chapter also **excludes:**

(a) Footwear of textile material, without an outer sole glued, sewn or otherwise affixed or applied to the upper (**Section XI**).

(b) Footwear showing signs of appreciable wear and presented in bulk or in bales, sacks or similar packings (**heading 63.09**).

(c) Footwear of asbestos (**heading 68.12**).

(d) Orthopaedic footwear (**heading 90.21**).

(e) Toy footwear and skating boots with ice or roller skates attached; shin-guards and similar protective sportswear (**Chapter 95**).

64.01 - Giày, dép không thấm nước có đế ngoài và mũ giày bằng cao su hoặc plastic, mũ giày, dép không gắn hoặc lắp ghép với đế bằng cách khâu, tán đinh, xoáy ốc, cắm đế hoặc các cách tương tự.

6401.10 - Giày, dép có mũi gắn kim loại bảo vệ

- Giày, dép khác:

6401.92 - - Loại cổ cao quá mắt cá chân nhưng không qua đầu gối

6401.99 - - Loại khác

Nhóm này bao gồm giày, dép không thấm nước có cả đế ngoài và mũ giày (xem Chú giải tổng quát, đoạn (C) và (D)), bằng cao su (theo định nghĩa của Chú giải 1 Chương 40), bằng plastic hoặc bằng vật liệu dệt có lớp ngoài bằng cao su hoặc plastic có thể nhìn thấy được bằng mắt thường (xem Chú giải 3(a) của Chương này), **miễn là** phần mũ giày không gắn với đế hoặc lắp ghép theo các quy trình đã được nêu trong nhóm.

Nhóm này bao gồm giày, dép được sản xuất để chống thấm nước hoặc các chất lỏng khác và sẽ bao gồm, ngoài các sản phẩm khác, một số loại giày ống đi trên tuyết, giày cao su (để đi mưa, đi tuyết, (thường) đi ra ngoài các giày, dép khác), giày đi bên ngoài phủ lên các loại giày, dép khác và giày ống trượt tuyết.

Giày, dép được phân loại vào nhóm này thậm chí kể cả khi chúng được làm một phần bằng vật liệu này và một phần bằng vật liệu khác ví dụ như: đế giày, dép có thể được làm bằng cao su và mũ giày, dép được làm bằng vải dệt thoi có lớp ngoài bằng plastic có thể nhìn thấy được bằng mắt thường theo mục đích của phần này, chúng ta không tính đến sự thay đổi của màu sắc sản phẩm).

Ngoài những i đề cập khác, nhóm này bao gồm các loại giày, dép được làm ra bởi các quy trình đây:

(1) Đúc bằng lực ép

Trong quy trình này, một lõi, đôi khi được phủ bằng vật liệu dệt "lớp lót" mà sau này hình thành lớp vải lót của sản phẩm, được đặt trong một chiếc khuôn hoặc với các phôi đã tạo hình trước hoặc phôi ở dạng hạt.

Khuôn này được đóng kín và được đặt giữa các tấm ép, rồi được làm nóng ở nhiệt độ cao.

Dưới tác động của hơi nóng, các phôi đã tạo hình trước hoặc phôi ở dạng hạt đạt tới một độ dẻo nhất định và hoàn toàn lấp đầy khoảng trống giữa lõi và các mép của khuôn đúc; vật liệu thừa chảy ra theo các lỗ thông. Sau đó, vật liệu được lưu hóa (cao su) hoặc gel hóa (poly(vinyl chloride)).

Khi quy trình đúc hoàn thành, chiếc giày được lấy ra khỏi khuôn và lõi được lấy ra khỏi giày.

(2) Đúc phun

Quy trình này tương tự như đúc bằng lực ép, chỉ khác là các phôi đã tạo hình trước hoặc phôi ở dạng hạt được sử dụng trong quy trình đúc bằng lực ép được

64.01 - Waterproof footwear with outer soles and uppers of rubber or of plastics, the uppers of which are neither fixed to the sole nor assembled by stitching, riveting, nailing, screwing, plugging or similar processes.

6401.10 - Footwear incorporating a protective metal toe-cap

- Other footwear:

6401.92 - - Covering the ankle but not covering the knee

6401.99 - - Other

This heading covers waterproof footwear with both the outer soles and the uppers (see General Explanatory Note, paragraphs (C) and (D)), of rubber (as defined in Note 1 to Chapter 40), plastics or textile material with an external layer of rubber or plastics being visible to the naked eye (see Note 3 (a) to this Chapter), **provided** the uppers are neither fixed to the sole nor assembled by the processes named in the heading.

The heading includes footwear constructed to protect against penetration by water or other liquids and would include, inter alia, certain snow- boots, galoshes, overshoes and ski-boots.

Footwear remains in this heading even if it is made partly of one and partly of another of the specified materials (e.g., the soles may be of rubber and the uppers of woven fabric with an external layer of plastics being visible to the naked eye; for the purpose of this provision no account should be taken of any resulting change of colour).

The heading covers, inter alia, footwear obtained by any of the processes described below:

(1) Press moulding

In this process, a core, sometimes covered by a textile "sock" which later forms the lining of the article, is placed in a mould with either preforms or granules.

The mould is closed and placed between the platens of a press, which are heated to a high temperature.

Under the influence of the heat, the preforms or granules acquire a certain degree of viscosity and completely fill the space between the core and the walls of the mould; the excess material escapes through vents. The material then vulcanises (rubber) or gels (poly(vinyl chloride)).

When the moulding process is complete, the shoe is taken out of the mould and the core is removed.

(2) Injection moulding

This process is similar to press moulding, except that the preforms or granules used in the press moulding process are replaced by a rubber-based or poly(vinyl

thay thế bằng một hỗn hợp với cao su là chất nền hoặc với chlorua polyvinyl là chất nền, được làm nóng trước nhằm làm cho hỗn hợp này đạt độ dẻo cần thiết để phun vào khuôn.

(3) Đúc dập

Trong quy trình này, poly(vinyl chloride) hoặc polystyren ở dạng bột nhão được bơm vào khuôn để tạo thành một lớp phủ hoàn chỉnh mà lớp phủ này sẽ được gel hóa, vật liệu thừa thoát ra ngoài thông qua các lỗ thông.

(4) Đúc quay

Quy trình này tương tự quy trình đúc dập, chỉ khác là lớp phủ được tạo thành bằng cách quay nguyên liệu ở dạng bột nhão trong khuôn đóng kín.

(5) "Đúc nhúng"

Trong quy trình này, một khuôn đúc nóng được nhúng chìm vào trong nguyên liệu ở dạng bột nhão (quy trình này ít được sử dụng trong công nghiệp sản xuất giày, dép).

(6) Lắp ráp bằng phương pháp lưu hóa

Trong quy trình này, nguyên liệu thô (thường là cao su hoặc nhựa nhiệt dẻo) được xử lý với bột lưu huỳnh và được trải qua một quá trình ép để tạo ra các tấm dẹt. Tấm dẹt được cắt (và đôi khi được cán láng) để tạo lên hình dạng của các bộ phận khác nhau của đế ngoài và mũi giày, dép (tức là thân giày trước, quai hậu/thân giày sau, miếng đệm lót, miếng ngón chân... của giày, dép). Các bộ phận đó được làm nóng nhẹ đủ làm cho vật liệu có tính kết dính và sau đó được lắp ghép trên một cốt giày, có hình dáng của cốt giày giống với hình dáng của chiếc giày. Giày, dép đã được lắp ráp sau đó được ép lên cốt giày, để các bộ phận đó dính chặt vào nhau, và sau đó được lưu hóa. Giày, dép được làm bằng quy trình này được biết đến trong thương mại là "giày, dép lắp ghép".

(7) Dán và lưu hóa

Quy trình này được sử dụng trong việc đúc và lưu hóa đế ngoài và gót bằng cao su **lên một mũi đã được lắp ghép trước** trong cùng một công đoạn. Đế giày, dép được liên kết chặt chẽ với mũi giày, dép bằng chất gắn, mà chất này sẽ được làm cứng trong quá trình lưu hóa.

(8) Hàn điện cao tần

Trong quy trình này, các vật liệu được ghép lại với nhau bằng nhiệt độ và áp suất, không dùng chất gắn.

(9) Dán bằng chất gắn

Trong quy trình này, **đế giày, dép loại mà đã được đúc trước đó** hoặc đã được cắt ra từ các tấm nguyên liệu sẽ được gắn chặt vào mũi giày, dép **bằng chất kết dính; quá trình ép** được thực hiện sau đó, và sản phẩm sẽ được để **khô**. Mặc dù quá trình ép có thể được thực hiện ở một nhiệt độ cao nhất định, vật liệu được sử dụng làm đế giày, dép vẫn có hình dạng cuối cùng như hình dạng trước khi được gắn chặt vào mũi giày, dép, và phẩm chất vật lý không bị thay đổi bởi quá trình này.

chloride)-based mix, preheated to give it the viscosity required for injection into the mould.

(3) Slush moulding

In this process, poly(vinyl chloride) or polystyrene paste is injected into a mould to form a complete coating which gels, excess material escaping through vents.

(4) Rotational casting

This process is similar to slush moulding, except that the coating is formed by rotating the paste in a closed mould.

(5) "Dip moulding"

In this process, a hot mould is dipped into the paste (this process is rarely used in the footwear industry).

(6) Assembly by vulcanising

In this process, the raw material (usually rubber or thermoplastics) is prepared with sulphur powder and passed through a press to produce a flat sheet. The sheet is cut (and sometimes calendered) into the shape of the various parts of the outer sole and upper (i.e., vamps, quarters, counters, toe pieces, etc.). The parts are slightly heated to make the material tacky and are then assembled on a last, the shape of which conforms to the shape of the footwear. The assembled footwear is pressed against the last, so that the parts adhere to one another, and then vulcanised. Footwear obtained by this process is known in the trade as "built-up footwear"

(7) Bonding and vulcanising

This process is used for moulding and vulcanising an outer sole and heel of rubber on a **preassembled upper** in one operation. The sole is firmly bonded to the upper with cement which hardens during vulcanisation.

(8) High frequency welding

In this process, materials are bonded by heat and pressure, without the use of cement.

(9) Cementing

In this process, **soles which have been previously moulded** or cut from a sheet are stuck to the uppers **with an adhesive; pressure** is applied, and the article is left to **dry**. Although pressure may be applied at a raised temperature, the material used for the sole is in its final form before the sole is stuck to the upper, and its physical qualities are in no way modified by this operation.

64.02 - Các loại giày, dép khác có đế ngoài và mũ giày bằng cao su hoặc plastic

- Giày, dép thể thao:

6402.12 - - Giày ống trượt tuyết, giày trượt tuyết băng đồng và giày ống gắn ván trượt

6402.19 - - Loại khác

6402.20 - Giày, dép có đai hoặc dây gắn mũ giày với đế bằng chốt cài

- Giày, dép khác:

6402.91 - - Giày cổ cao quá mắt cá chân

6402.99 - - Loại khác

Nhóm này bao gồm giày, dép có đế ngoài và mũ giày bằng cao su hoặc plastic, **loại trừ** các loại giày, dép thuộc **nhóm 64.01**.

Giày, dép cũng được phân loại vào nhóm này thậm chí kể cả khi chúng được làm một phần bằng vật liệu này và một phần bằng vật liệu khác (ví dụ như: đế giày, dép có thể được làm bằng cao su và mũ giày, dép được làm bằng vải dệt thoi có lớp ngoài bằng plastic có thể nhìn thấy được bằng mắt thường; theo mục đích của phần này, chúng ta không tính đến sự thay đổi của màu sắc sản phẩm).

Ngoài những đề cập khác, nhóm này bao gồm:

(a) Giày ống trượt tuyết, loại có một vài bộ phận đúc được gắn với nhau bằng đinh tán hoặc các loại tương tự;

(b) Guốc không có quai hậu hoặc miếng đệm lót, mũ của loại này được làm một mảnh thường được gắn vào thân đế hoặc chân đế bằng đinh tán;

(c) Các loại dép lê hoặc dép có đế mỏng không có quai hậu hoặc miếng đệm lót, mũ của các loại này được làm một mảnh hoặc được lắp ráp trừ lắp ráp bằng cách khâu, được gắn vào đế bằng cách khâu;

(d) Sandal có đai vòng qua mu bàn chân, có miếng đệm lót, hoặc có đai gót chân được gắn với đế bằng bất kỳ nào;

(e) Sandal kiểu dây gắn, là loại có các dây da được gắn với đế bằng các chốt cài mà chốt cài này được chốt vào các lỗ đục trên đế;

(f) Giày, dép không thấm nước được làm một mảnh (ví dụ như: dép lê mỏng, nhẹ đi trong nhà tắm).

64.03 - Giày, dép có đế ngoài bằng cao su, plastic, da thuộc hoặc da tổng hợp và mũ giày bằng da thuộc

- Giày, dép thể thao:

6403.12 - - Giày ống trượt tuyết, giày trượt tuyết băng đồng và giày ống gắn ván trượt

6403.19 - - Loại khác

6403.20 - Giày, dép có đế ngoài bằng da thuộc, và mũ giày có đai vòng qua mu bàn chân và quai xỏ ngón chân cái

64.02 - Other footwear with outer soles and uppers of rubber or plastics.

- Sports footwear:

6402.12 - - Ski-boots, cross-country ski footwear and snowboard boots

6402.19 - - Other

6402.20 - Footwear with upper straps or thongs assembled to the sole by means of plugs

- Other footwear:

6402,91 - - Covering the ankle

6402.99 - - Other

This heading covers footwear with outer soles and uppers of rubber or plastics, **other than** those of **heading 64.01**.

Footwear remains in this heading even if it is made partly of one and partly of another of the specified materials (e.g., the soles may be of rubber and the uppers of woven fabric with an external layer of plastics being visible to the naked eye; for the purpose of this provision no account should be taken of any resulting change of colour).

The heading covers, inter alia:

(a) Ski-boots consisting of several moulded parts hinged on rivets or similar devices;

(b) Clogs without quarter or counter, the uppers of which are produced in one piece usually attached to the base or platform by riveting;

(c) Slippers or mules without quarter or counter, the uppers of which, being produced in one piece or assembled other than by stitching, are attached to the sole by stitching;

(d) Sandals consisting of straps across the instep and of counter or heelstrap attached to the sole by any process;

(e) Thong-type sandals in which the things are attached to the sole by plugs which lock into holes in the sole;

(f) Non-waterproof footwear produced in one piece (for example, bathing slippers).

64.03 - Footwear with outer soles of rubber, plastics, leather or composition leather and uppers of leather.

- Sports footwear:

6403.12 - - Ski-boots, cross-country ski footwear and snowboard boots

6403.19 - - Other

6403.20 - Footwear with outer soles of leather, and uppers which consist of leather straps across the instep and around the big toe

6403.40 - Giày, dép khác, có mũi gắn kim loại bảo vệ.
- Giày, dép khác có đế ngoài bằng da thuộc:

6403.51 - - Giày cổ cao quá mắt cá chân.

6403.59 - - Loại khác

- Giày, dép khác:

6403.91 - - Loại cổ cao quá mắt cá chân:

6403.99 - - Loại khác

Nhóm này bao gồm giày, dép có phần mũi (xem Chú giải tổng quát, Phần (D)) được làm bằng da thuộc và có đế ngoài (xem Chú giải tổng quát, Phần (C)) được làm bằng:

(1) Cao su (theo định nghĩa của Chú giải 1 của Chương 40).

(2) Plastic.

(3) Vải dệt thoi hoặc các sản phẩm dệt khác có lớp ngoài bằng cao su hoặc plastic có thể nhìn thấy được bằng mắt thường, không tính đến sự thay đổi về màu sắc (xem Chú giải 3(a) của Chương này và Chú giải tổng quát, Phần (E)).

(4) Da thuộc (xem Chú giải 3(b) của Chương này).

(5) Da tổng hợp (theo Chú giải 3 của Chương 41, "da tổng hợp" được giới hạn chỉ bao gồm những vật liệu có thành phần cơ bản là da thuộc hoặc sợi da thuộc).

64.04 - Giày, dép có đế ngoài bằng cao su, plastic, da thuộc hoặc da tổng hợp và mũ giày bằng vật liệu dệt

- Giày, dép có đế ngoài bằng cao su hoặc plastic:

6404.11 - - Giày, dép thể thao, giày tennis, giày bóng rổ, giày thể dục, giày luyện tập và các loại tương tự.

6404.19 - - Loại khác

6404.20 - Giày, dép có đế ngoài bằng da thuộc hoặc da tổng hợp

Nhóm này bao gồm giày, dép có phần mũi (xem Chú giải tổng quát, Phần (D)) được làm bằng vật liệu dệt và có đế ngoài (xem Chú giải tổng quát, Phần (C)) được làm bằng các loại vật liệu giống các vật liệu dùng làm đế của giày, dép thuộc nhóm 64.03 (xem Chú giải của nhóm đó).

64.05 - Giày, dép khác

6405.10 - Có mũi giày bằng da thuộc hoặc da tổng hợp

6405.20 - Có mũi giày bằng vật liệu dệt

6405.90 - Loại khác

Theo Chú giải 1 và 4 của Chương này, nhóm này bao gồm toàn bộ các loại giày, dép có đế ngoài và mũi được làm bằng một loại vật liệu hoặc kết hợp các loại vật liệu chưa được đề cập trong các nhóm trước của Chương này.

Nhóm này bao gồm các loại giày, dép cụ thể như:

6403.40 - Other footwear, incorporating a protective metal toe-cap

- Other footwear with outer soles of leather:

6403.51 - - Covering the ankle

6403.59 - - Other

- Other footwear:

6403.91 - - Covering the ankle

6403.99 - - Other

This heading covers footwear with uppers (see General Explanatory Note, Part (D)) made of leather and with outer soles (see General Explanatory Note, Part (C)) made of:

(1) Rubber (as defined in Note 1 to Chapter 40).

(2) Plastics.

(3) Woven fabrics or other textile products with an external layer of rubber or plastics being visible to the naked eye, no account being taken of any resulting change of colour (see Note 3 (a) to this Chapter and General Explanatory Note, Part (E)).

(4) Leather (see Note 3 (b) to this Chapter).

(5) Composition leather (by virtue of Note 3 to Chapter 41, "composition leather" is restricted to substances with a basis of leather or leather fibre).

64.04 - Footwear with outer soles of rubber, plastics, leather or composition leather and uppers of textile materials.

- Footwear with outer soles of rubber or plastics:

6404.11 - - Sports footwear; tennis shoes, basketball shoes, gym shoes, training shoes and the like

6404.19 - - Other

6404.20 - Footwear with outer soles of leather or composition leather

This heading covers footwear with uppers (see General Explanatory Note, Part (D)) made of textile materials and with outer soles (see General Explanatory Note, Part (C)) made of the same materials as the footwear of heading 64.03 (see the Explanatory Note to that heading).

64.05 - Other footwear.

6405.10 - With uppers of leather or composition leather

6405.20 - With uppers of textile materials

6405.90 - Other

Subject to Notes 1 and 4 to this Chapter, this heading covers all footwear having outer soles and uppers of a material or combination of materials not referred to in the preceding headings of this Chapter.

The heading includes in particular:

(1) Giày, dép, có đế ngoài bằng cao su hoặc plastic, và phần mũi được làm bằng các vật liệu trừ cao su, plastic, da thuộc hoặc vật liệu dệt;

(2) Giày, dép có đế ngoài làm bằng da thuộc hoặc da tổng hợp, và có phần mũi được làm bằng các vật liệu trừ da thuộc hoặc vật liệu dệt;

(3) Giày, dép có đế ngoài làm bằng gỗ, lie, dây xe hoặc dây thừng, bìa giấy, da lông, vải dệt, ni (phốt), sản phẩm không dệt, vải sơn, sợi cọ, rom, xơ mướp, v.v. Phần mũi giày của các loại giày, dép này có thể được làm bằng bất cứ vật liệu gì.

Nhóm này **không bao gồm** các chi tiết lắp ráp của các bộ phận (ví dụ như: mũ, đã gắn hoặc chưa gắn vào đế trong) không những chưa tạo thành mà còn chưa có mang đặc trưng cơ bản của các loại giày, dép được mô tả trong các nhóm từ 64.01 đến 64.05 (**nhóm 64.06**).

64.06 - Các bộ phận của giày, dép (kể cả mũ giày đã hoặc chưa gắn đế, trừ đế ngoài); miếng lót của giày, dép có thể tháo rời, đệm gót chân và các sản phẩm tương tự; ghệt, ống ôm sát chân (leggings) và các sản phẩm tương tự, và các bộ phận của chúng.

6406.10 - Mũ giày và các bộ phận của chúng, trừ miếng lót bằng vật liệu cứng trong mũ giày.

6406.20 - Đế ngoài và gót giày, bằng cao su hoặc plastic.

6406.90 - Loại khác:

(I) CÁC BỘ PHẬN CỦA GIÀY, DÉP (KỂ CẢ MŨ GIÀY, ĐÃ HOẶC CHƯA GẮN ĐỀ TRỪ ĐỀ NGOÀI); MIẾNG LÓT CỦA GIÀY, DÉP CÓ THỂ THÁO, ĐỆM GÓT CHÂN VÀ CÁC SẢN PHẨM TƯƠNG TỰ

Nhóm này bao gồm:

(A) Các loại bộ phận cấu thành của giày, dép; các bộ phận này có thể được làm bằng mọi loại vật liệu trừ amiăng.

Các bộ phận của giày, dép có thể ở nhiều hình dạng khác nhau tùy theo từng kiểu loại hoặc kiểu cách của giày, dép mà các bộ phận này được dùng để sản xuất. Các bộ phận này bao gồm:

(1) Các bộ phận của mũ (ví dụ như: thân giày trước, mũi giày (toecaps), quai hậu/thân giày sau, ống giày, lớp vải lót và quai guốc), kể cả những miếng da thuộc dùng để làm giày, dép đã được cắt gắn giống với hình dạng của mũ giày.

(2) Miếng lót bằng vật liệu cứng. Những miếng lót này được chèn vào giữa thân giày sau và lớp vải lót, hoặc giữa mũi (toecap) và lớp vải lót, để làm tăng độ cứng và độ rắn các bộ phận này của giày dép.

(3) Đế trong, đế giữa và đế ngoài, kể cả đế ở dạng 1/2 đế hoặc đế patin; cũng như đế lót trong gắn lên bề mặt của đế trong.

(4) Các bộ phận hỗ trợ uốn cong hoặc ống chân và miếng ống chân (thường bằng gỗ, da thuộc, tấm xơ ép

(1) Footwear, with outer soles of rubber or plastics, and the uppers made of material other than rubber, plastics, leather or textile material;

(2) Footwear with outer soles of leather or of composition leather, and the uppers made of material other than leather or textile material;

(3) Footwear with outer soles of wood, cork, twine or rope, paperboard, furskin, textile fabric, felt, nonwovens, linoleum, raffia; straw, loofah, etc. The uppers of such footwear may be of any material.

The heading **excludes** assemblies of parts (e.g., uppers, whether or not affixed to an inner sole) not yet constituting nor having the essential character of footwear as described in headings 64.01 to 64.05 (**heading 64.06**).

64.06 - Parts of footwear (including uppers whether or not attached to soles other than outer soles); removable in-soles, heel cushions and similar articles; gaiters, leggings and similar articles, and parts thereof.

6406.10 - Uppers and parts thereof, other than stiffeners

6406.20 - Outer soles and heels, of rubber or plastics

6406.90 - Other

(I) PARTS OF FOOTWEAR (INCLUDING UPPERS WHETHER OR NOT ATTACHED TO SOLES OTHER THAN OUTER SOLES); REMOVABLE IN-SOLES, HEEL CUSHIONS AND SIMILAR ARTICLES

This heading covers:

(A) The various component parts of footwear; these parts may be of any materials **except** asbestos.

Parts of footwear may vary in shape according to the types or styles of footwear for which they are intended. They include:

(1) Parts of uppers (e.g., vamps, toecaps, quarters, legs, linings and clog straps), including pieces of leather for making footwear cut to the approximate shape of uppers.

(2) Stiffeners. These may be inserted between the quarters and lining, or between the toecap and lining, to give firmness and solidity at these parts of the footwear.

(3) Inner, middle and outer soles, including half soles or patins; also in-soles for glueing on the surface of the inner soles.

(4) Arch supports or shanks and shank pieces (generally of wood, leather, fibreboard or plastics) for

hoặc plastic) dùng để kết hợp với đế để tạo thành đường cong của giày dép.

(5) Các loại gót được làm bằng gỗ, cao su, v.v, kể cả loại được gắn keo, đóng đinh và bắt vít ốc; các bộ phận của gót (ví dụ, miếng đệm trên của gót giày).

(6) Khuy cài, đinh đóng đế giày.v.v. dùng cho giày, dép thể thao

(7) Các chi tiết lắp ráp của các bộ phận (ví dụ như: mũ giày, đã gắn hoặc chưa gắn vào đế trong) không những chưa tạo thành mà còn chưa có mang những đặc trưng cơ bản của giày, dép như đã được mô tả trong các nhóm từ 64.01 đến 64.05.

(B) Những phụ kiện ghép, nối mà được lắp, đặt bên trong của giày (làm bằng bất cứ vật liệu gì trừ amiăng) như: miếng lót trong có thể tháo ra được, tấm bảo vệ đặt giữa gót chân và giày để giảm độ trượt (làm bằng cao su, vải bọc cao su,...) và tấm đệm gót chân ở bên trong có thể tháo ra được.

(II) GHỆT, ỒNG ÔM SÁT CHÂN (LEGGINGS) VÀ CÁC SẢN PHẨM TƯƠNG TỰ, VÀ CÁC BỘ PHẬN CỦA CHÚNG

Các sản phẩm này được thiết kế nhằm che toàn bộ hoặc một phần của chân, và trong một số trường hợp che một phần của bàn chân (chẳng hạn như mắt cá và mu bàn chân). Tuy nhiên, các sản phẩm này khác với các loại bít tất ngắn, bít tất dài (trên đầu gối) ở chỗ là chúng không che toàn bộ bàn chân.

Các sản phẩm này có thể được làm bằng bất cứ vật liệu gì (đa thuộc, vải bạt, ni (phốt), vải dệt kim hoặc móc, v.v.) **loại trừ** amiăng.

Các sản phẩm này bao gồm: ghệt, ống ôm sát chân (leggings), ghệt mắt cá, xà cạp, "mountain stockings" không có lớp lót làm ấm chân và bàn chân và các mặt hàng tương tự.

Một số mặt hàng có thể có một đai định vị hoặc dải băng co giãn để sản phẩm bó sát theo đường cong của chân.

Nhóm này cũng bao gồm các sản phẩm được nhận biết như những bộ phận của các mặt hàng trên.

*
* *

Nhóm này **không** bao gồm:

(a) Dải diềm bằng da thuộc hoặc da tổng hợp (**nhóm 42.05**), bằng plastic (**Chương 39**) hoặc bằng cao su (**Chương 40**).

(b) Tấm đệm đầu gối và mắt cá (chẳng hạn như vải co giãn được sản xuất đơn giản chỉ nhằm hỗ trợ hoặc bảo vệ các vị trí dễ đau); các sản phẩm này được phân loại vào các nhóm phù hợp theo vật liệu cấu thành.

(c) Ống ôm sát chân (leggings) một mảnh (quần bó) được mặc bởi trẻ em; đây là những sản phẩm may mặc dài tới thắt lưng, và ôm sát quanh chân và đôi khi phủ toàn bộ chân (**Chương 61** hoặc **62**).

incorporation in the sole to form the curved arch of the footwear.

(5) Various types of heels made of wood, rubber, etc., including glue-on, nail-on and screw-on types; parts of heels (e.g., top pieces).

(6) Studs, spikes, etc., for sports footwear.

(7) Assemblies of parts (e.g., uppers, whether or not affixed to an inner sole) not yet constituting nor having the essential character of footwear as described in headings 64.01 to 64.05.

(B) The following fittings (of any material **except** asbestos) which may be worn inside the footwear: removable in-soles, hose protectors (of rubber, rubberised fabric, etc.) and removable interior heel cushions.

(II) GAITERS, LEGGINGS, AND SIMILAR ARTICLES, AND PARTS THEREOF

These articles are designed to cover the whole or part of the leg and in some cases part of the foot (e.g., the ankle and instep). They differ from socks and stockings, however, in that they do not cover the entire foot.

They may be made of any material (leather, canvas, felt, knitted or crocheted fabrics, etc.) **except** asbestos.

They include gaiters, leggings, spats, puttees, "mountain stockings" without feet, leg warmers and similar articles.

Certain of these articles may have a retaining strap or elastic band which fits under the arch of the foot.

The heading also covers identifiable parts of the above articles.

*
* *

The heading also **excludes**:

(a) Welts in the length of leather or composition leather (**heading 42.05**), of plastics (**Chapter 39**) or of rubber (**Chapter 40**).

(b) Knee and ankle supports (such as those consisting of elastic fabric designed simply to support or sustain weak joints); these are classified in their own appropriate headings according to the material of which they are made.

(c) One-piece leggings (tights) of the kind worn by very young children; these are garments which reach the waist, and fit closely round the leg and sometimes cover the entire foot (**Chapter 61** or **62**).

- (d) Các bộ phận và các đồ phụ trợ của giày dép bằng amiăng (nhóm **68.12**)
- (e) Đế trong được thiết kế đặc biệt dùng để hỗ trợ lòng bàn chân, được làm theo số đo và các dụng cụ chính hình (nhóm **90.21**).
- (f) Đệm bảo vệ ống chân, tấm ốp bảo vệ ống chân, miếng đệm đầu gối và các sản phẩm bảo vệ khác dùng trong các hoạt động thể thao (nhóm **95.06**).
- (g) Chốt, đinh, khoen, móc cài, khóa cài, bộ phận bảo vệ, dải viền, búp cài, đăng ten, các sản phẩm này được phân loại vào các nhóm phù hợp của chúng, các loại khuy, khuy bấm, khuy đập, khuy đẩy (nhóm **96.06**) và khóa kéo (nhóm **96.07**).

Chương 65

Mũ và các vật đội đầu khác và các bộ phận của chúng

Chú giải:

1.- Chương này không bao gồm:

- (a) Mũ và các vật đội đầu khác đã qua sử dụng thuộc nhóm 63.09;
- (b) Mũ và các vật đội đầu khác, bằng amiăng (nhóm 68.12); hoặc
- (c) Mũ búp bê, mũ đồ chơi khác, hoặc các mặt hàng dùng trong lễ hội carnival của Chương 95

2.- Nhóm 65.02 không bao gồm thân mũ được làm bằng cách khâu, trừ các thân mũ được làm một cách đơn giản bằng cách khâu các dải theo hình xoáy ốc.

TỔNG QUÁT

Loại trừ các mặt hàng được liệt kê dưới đây, Chương này bao gồm các thân mũ, thân mũ hình nón, thân mũ hình chong, và các loại mũ và các vật đội đầu khác, bất kể chúng được làm từ chất liệu nào và chúng được sử dụng cho mục đích gì (đội hàng ngày, đội trên sân khấu, hoá trang, bảo vệ, v.v.).

Chương này cũng bao gồm các loại lưới bao tóc làm bằng mọi chất liệu và một số đồ phụ kiện chuyên dùng cho mũ và các vật đội đầu.

Các loại mũ và vật đội đầu khác thuộc Chương này có thể gắn đồ trang trí các loại bằng mọi chất liệu, kể cả các đồ trang trí được làm từ chất liệu thuộc Chương 71.

Chương này **không bao gồm**:

- (a) Mũ và các vật đội đầu khác dành cho động vật (nhóm **42.01**).
- (b) Khăn choàng, khăn quàng cổ, khăn choàng vai, mạng che mặt và các loại tương tự (nhóm **61.17** hoặc nhóm **62.14**).
- (c) Mũ và vật đội đầu khác đã qua sử dụng nhưng có dấu hiệu là còn sử dụng được và được thể hiện ở dạng đóng gói cỡ lớn, đóng kiện, đóng bao hoặc các kiểu đóng gói cỡ lớn tương tự (nhóm **63.09**).

(d) Footwear parts and accessories of asbestos (heading **68.12**).

(e) Special in-soles for arch supporting, made to measure, and orthopaedic appliances (heading **90.21**).

(f) Cricket pads, shin-guards, knee-caps and other protective articles for sports activities (heading **95.06**).

(g) Pegs, nails, eyelets, hooks, buckles, protectors, braid, pompons, laces, which are classified in their appropriate headings, buttons, snap-fasteners, press-studs, push-buttons (heading **96.06**) and slide fasteners (zippers) (heading **96.07**).

Chapter 65

Headgear and parts thereof

Notes.

1. - This Chapter does not cover:

- (a) Worn headgear of heading 63.09;
- (b) Asbestos headgear (heading 68.12); or
- (c) Dolls' hats, other toy hats or carnival articles of Chapter 95.

2. - Heading 65.02 does not cover hat-shapes made by sewing other than those obtained simply by sewing strips in spirals.

GENERAL

With the **exception** of the articles listed below this Chapter covers hat- shapes, hat-forms, hat bodies and hoods, and hats and other headgear of all kinds, irrespective of the materials of which they are made and of their intended use (daily wear, theatre, disguise, protection, etc.).

It also covers hair-nets of any material and certain specified fittings for headgear.

The hats and other headgear of this Chapter may incorporate trimmings of various kinds and of any material, including trimmings made of the materials of Chapter 71.

This Chapter **does not include**:

- (a) Headgear for animals (heading **42.01**).
- (b) Shawls, scarves, mantillas, veils and the like (heading **61.17** or **62.14**).
- (c) Headgear showing signs of appreciable wear and presented in bulk, bales, sacks or similar bulk packings (heading **63.09**).